TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **50**/2020/DS-ST
Ny 23 - 3 - 2020
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản và chia thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm.

Ông Nguyễn Việt Thắng.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời *tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ny 23 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 355/2019/TLST-DS Ny 05/8/2019 về việc *"Tranh chấp đòi lại tài sản và chia thừa kế tài sản",* To Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-DS Ny 12/02/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2020/QĐST-DS Ny 02/3/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Ngọc C**, sinh năm 1931.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của cho nguyên đơn: Bà **Trần Bích L**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khóm 5, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Phan Khánh D** – Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1970 và bà **Danh Thị L**.

Địa chỉ: Khóm 10, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông **Lương Minh V (Út B)**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông **Lương Minh K (Út L)**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của cho bị đơn Lương Minh K: Ông **Lương Minh N**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khóm 11, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà **Nguyễn Kim T**, sinh năm 1983.

+ Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bà L, Luật sư D có mặt. Tất cả những người còn lại vắng mặt không rõ lý do. Riêng bà Trần Thị L xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/7/2017 của nguyên đơn, lời trình bày có tại hồ sơ và tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, thể hiện: Ông C là cha ruột của bà Trần Thị T (đã chết), ông C hiện nay là người duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T. Năm 2007 – 2008 bà T sống chung như vợ chồng với ông Lương Minh H (đã chết). Quá trình bà T và ông H sống chung có cho ông H và bà L vay số tiền 20.000.000 đồng, tham gia chơi của bà Trần Thị L 01 chưng hụi loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, tham gia chơi của bà Nguyễn Kim T 01 chưng hụi loại hụi 2.000.000 đồng/ tháng. Trước khi ông H chết thì ông H có lập giấy chia tài sản Ny 25/7/2018 với nội dung số tài sản riêng của bà T 2,7 lượng vàng 24k và 30.000.000 đồng (bà T đã cho 02 người hàng xóm vay là Xuân Trường 10.000.000 đồng, vợ chồng bà Danh Thị L 20.000.000 đồng, cùng 02 chưng hụi sống loại hụi 1.000.000 đồng và 2.000.000 đồng, ông H thống nhất chia cho bà T. Hiện nay số tiền của vợ chồng bà Danh Thị L vay chưa trả cho bà T; chưng hụi 1.000.000 đồng chơi của bà L đã đóng được 04 lần, sau khi ông H và bà T chết ông V tiếp tục chơi tiếp dây hụi này và đã hốt; chưng hụi 2.000.000 đồng chơi của bà T đóng được 14 lần, sau khi ông H, bà T chết ông V tiếp tục chơi tiếp dây hụi này và đã hốt.

Nay bà L đại diện thei ủy quyền của ông C, yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà Danh Thị L giao số tiền 20.000.000 đồng, ông V giao số tiền 4.000.000 đồng, ông K giao số tiền 28.000.000 đồng cho ông C là người thừa kế của bà T và chia thừa kế các khoản tiền cho ông C hưởng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Trần Ngọc C, trình bày:

Qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thì xác định được giấy chia tài sản do bên ông K cung cấp có nội dung khác với nội dung ông N đọc (thể hiện ở USB cung cấp cho Tòa án). Ông C là người thừa kế duy nhất của bà T, nên ông C có quyền đòi lại tài sản. Thực tế ông H khi còn sống có chia cho bà T 20.000.000 đồng tiền của ông H và bà L nợ, tiền hụi chơi của bà T, bà L, tại các biên bản lấy lời khai thể hiện ông H có thừa nhận khoản nợ chưa trả, bà L xác định ông H đóng được 04 lần hụi loại 1.000.000 đồng của và ông V cũng thừa nhận, đối với hụi của bà T loại 2.000.000 đồng thực tế ông H đóng được 14.000.000 đồng đề nghị Hội đồng xem xét đúng To quy định. Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 326.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Lời trình bày của bị đơn Trần Văn H có tại hồ sơ, thể hiện: Tháng 3/2018 ông H và bà L có vay của ông Lương Minh H số tiền 20.000.000 đồng, không có làm biên nhận hay giấy tờ, lãi suất mỗi tháng 1.250.000 đồng, có đóng lãi cho ông H đầy đủ đến khi ông H chết, hiện nay ông H, bà L vẫn còn nợ tiền vốn chưa trả.

- Lời trình bày của bị đơn Lương Minh V có tại hồ sơ thể hiện: Anh V là con ruột của ông Lương Minh H, đầu năm 2018 ông H có tham gia chơi 01 chưng hụi do bà Trần Thị L làm chủ, loại hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, ông H đóng được 04 lần hụi thì ngưng đóng do bị bệnh, sau đó ông H giao cho ông V đóng hụi. Trước khi chết, ông H giao chưng hụi này lại cho ông V. Nay anh V không đồng ý giao chưng hụi này lại cho ai hết.

- Lời trình bày của bị đơn Lương Minh K có tại hồ sơ thể hiện: Năm 2017 ông Lương Minh H là cha ruột của ông K có chơi 01 chưng hụi loại 2.000.000 đồng cho bà Nguyễn Kim T làm chủ, 01 tháng khui 01 lần, khi còn sống ông H đóng hụi được vài lần thì bệnh không đóng nữa, ông K đứng ra đóng hụi thay cho ông H đến Ny ông H chết, ông K hốt được số tiền hụi 34.000.000 đồng và còn tH lại bà T số tiền hụi chết là 6.000.000 đồng.

- Lời trình bày của ông Lương Minh N là đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lương Minh K có tại hồ sơ, thể hiện: Ông H là cha ruột của ông N, còn bà T là mẹ kế của ông N. Khi ông H còn sống thì ông N là người đọc giấy phân chia tài sản do ông H viết, nội dung giấy phân chia tài sản có nội dung số tiền nợ của Trần Văn H và Danh Thị L, cùng 02 chưng hụi đang chơi của Trần Thị L và Nguyễn Kim T giao cho bà T đi trị bệnh, ông K lấy lãi các khoản nợ tiếp tục đóng 02 chưng hụi, nếu tH thì ông K bù vô, trường hợp bà T chết thì ông K được hưởng các khoản nợ và hụi, khi đọc giấy phân chia tài sản thì có bà T, ông H cùng các con riêng của ông H.

- Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Nguyễn Kim T có tại hồ sơ, thể hiện: Năm 2017 bà T có mở 01 dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, ông Lương Minh H khi còn sống tham gia chơi 01 chưng và đóng hụi được 05 lần thì không đóng nữa do bị bệnh. Sau đó, ông Lương Minh K là con ông H đóng tiếp chưng hụi cho đến khi ông H chết, ông K bỏ hụi hốt và bà T giao cho ông K nhận số tiền 34.000.000 đồng, ông K còn nợ lại bà T số tiền 6.000.000 đồng (việc này ông K và bà T thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết).

- Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Trần Thị L có tại hồ sơ, thể hiện: Bà L làm chủ 01 dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, ông Lương Minh H khi còn sống tham gia chơi 01 chưng đóng được 04 lần thì ông H chết, sau khi ông H chết thì ông Lương Minh V con ông H tiếp tục đóng hụi được khoảng 10 lần thì bỏ hụi hốt và bà L đã giao tiền hụi cho ông V nhận. Phần tiền hụi 04 lần của ông H đóng thì bà T giao bằng số tiền hụi chết là 4.000.000 đồng. Bà L có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát huyện Trần Văn Thời phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký tiến hành đúng theo trình tự quy định của Pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự To quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Vụ án này mối quan hệ được xác định là đòi lại tài sản và chia thừa kế tài sản. Ông H và bà L thừa nhận có nợ ông H 20.000.000 đồng chưa trả, ông V đang quản lý số tiền hụi 4.000.000 đồng của bà L, đối với chưng hụi của bà T thì bà T xác định ông H đóng được 05 lần là 10.000.000 đồng đã giao tiền hụi cho ông K nhận, căn cứ việc chia tài sản khi ông H còn sống đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông C, buộc ông H và bà L trả số tiền 20.000.000 đồng, buộc ông V trả số tiền 4.000.000 đồng, buộc ông K trả số tiền 10.000.000 đồng và chia toàn bộ số tiền này cho ông C được thừa kế.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Ông Trần Văn H, bà Danh Thị L, ông Lương Minh V, ông Lương Minh N, bà Nguyễn Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do và bà Trần Thị L có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những đương sự này.

[2] *Về quyền khởi kiện:* Ông C xác định bà T được ông Lương Minh H (khi còn sống) giao số tiền nợ vay và nợ hụi của của các bị đơn cho bà T được hưởng, sau khi bà T chết nguyên đơn Trần Ngọc C là cha của bà Trần Thị T là người thừa kế duy nhất của bà T, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu chia thừa kế và đòi lại tài sản đối với các bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 166, Điều 613 Bộ luật dân sự.

[3] *Về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện các bị đơn yêu cầu giao trả lại phần tiền nợ vay và hụi cho nguyên đơn là người thuộc hàng thứa kế thứ nhất của bà T, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về thừa kế tài sản và đòi lại tài sản" To quy định tại khoản 3, 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về thẩm quyền Toà án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền To quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn, người có quyền lợi,nghĩa vụ liên quan:*

Nguyên đơn khởi kiện cho rằng khi ông Lương Minh H còn sống thì có lập giấy phân chia tài sản, trong đó có chia cho bà T khoản nợ của ông H, bà Danh Thị L là 20.000.000 đồng, tiền hụi do bà Trần Thị L làm chủ là 4.000.000 đồng (ông V là người đã hốt và quản lý), tiền hụi do bà Nguyễn Kim T làm chủ là 28.000.000 đồng (ông K là người hốt và quản lý), qua làm việc với các bị đơn thì ông H thừa nhận vợ chồng có nợ ông H số tiền 20.000.000 đồng, bị đơn ông V, ông K xác định sau khi ông H bệnh thì ông V có đóng tiếp chưng hụi của ông H chơi của bà L (ông H đóng được 04 lần), ông K có đóng tiếp chưng hụi của ông H chơi của bà T (ông H đóng

được vài lần), đối với các chủ hụi như bà T cho rằng ông H có chơi 01 chưng hụi 2.000.000 đồng, đóng được 05 lần thì bị bệnh không đóng nữa, ông K là người đóng hụi tiếp và hốt hụi, bà L cho rằng ông H có chơi 01 chưng hụi 1.000.000 đồng, đóng được 04 lần thì ông V là người đóng hụi tiếp và hốt hụi. Như vậy, có căn cứ xác định được là ông H, bà Danh Thị L, bà T, bà Trần Thị L là người có nghĩa vụ về tài sản đối với ông Lương Minh H, nguyên đơn cho rằng trước khi ông H chết có thỏa thuận chia cho bà Trần Thị T các khoản tiền nêu trên và cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án đoạn 01 USB (bút lục số 49), sau đó được mở niêm phong thể hiện nay biên bản (bút lục số 79) có nội dung do ông Lương Minh N đọc từ phút thứ 25 đến phút thứ 33: *"Tiền cho vay Xuân Trường 10 triệu, cô L 20 triệu, 03 chưng hụi của T, Lợi, Đình (2 Đào), tôi lấy chưng hụi của Lợi, còn lại 02 chưng hụi của T và Đình, và 02 người đang cho vay, tôi cho vợ tôi, giấy chia tài sản này do tôi tự lập không ai được quyền thay đổi"*. Ông N cung cấp cho Tòa án "giấy chia tài sản Ny 25/7/2018 của ông Lương Minh H (bút lục số 111 - 112)" do ông N cung cấp thì thể hiện như sau: "*Hôm nay vào lúc 11 giờ 15 phút Ny 25 tháng 06 năm 2018 trong lúc tôi còn minh mẫn hoàn toàn. Tôi làm giấy chia tài sản này với vợ tôi là Trần Thị T, sinh năm 1954, với số tài sản sau: -.....;-……;- Tiền cho vay của cháu Cường Xui Sơn là 10.000 đ (mười triệu) + cô L Sông Đốc 20.000 đ (hai mươi triệu), cộng thêm ba chân hụi của T và Đình Hai Đào, Lợi tôi lấy chân hụi của Lợi, còn lại hai chân hụi T và Đình với hai người tôi đang cho vay tôi cho vợ tôi là tiền trị bệnh, nhưng tôi giao lại cho con trai út (út L) quản lý, lấy tiền lời đóng hụi, nếu tH thì con tôi là út L bù dùm cho dì hai là vợ tôi (T), trong thời gian đi trị bệnh nếu vợ tôi (T có tH tiền thì Út L hốt hụi đó cho vợ tôi (T), còn vợ tôi (T) có mệnh hề gì (chết), thì Út L con tôi được thừa hưởng số tiền cho vay và hai chưng hụi nói trên, giấy chia tài sản này tôi tự lập không ai được quyền thay đổi".* Qua xem xét đoạn USB thì thực tế ông N có đọc nội dung *"Tiền cho vay Xuân Trường 10 triệu, cô L 20 triệu, 03 chưng hụi của T, Lợi, Đình (2 Đào), tôi lấy chưng hụi của Lợi, còn lại 02 chưng hụi của T và Đình, và 02 người đang cho vay, tôi cho vợ tôi, giấy chia tài sản này do tôi tự lập không ai được quyền thay đổi"* chứ không có nội dung *"giao lại cho con trai út (út L) quản lý, lấy tiền lời đóng hụi, nếu tH thì con tôi là út L bù dùm cho dì hai là vợ tôi (T), trong thời gian đi trị bệnh nếu vợ tôi (T có tH tiền thì Út L hốt hụi đó cho vợ tôi (T), còn vợ tôi (T) có mệnh hề gì (chết), thì Út L con tôi được thừa hưởng số tiền cho vay và hai chưng hụi nói trên"*, như vậy có căn cứ xác định khi còn sống ý chí của ông H là chia cho bà T khoản nợ của ông H, bà L và 02 chưng hụi đang chơi của bà T và bà L. Do đó, số tiền nợ của ông H, bà L và tiền hụi ông V, ông K đang quản lý là di sản của bà T chết để lại. Bà T chết không có để lại di chúc, ông C là cha ruột của bà T và là người thừa kế duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T, nên cần chấp nhận chia thừa kế cho ông C số tiền ông H, bà L nợ là 20.000.000 đồng, số tiền hụi của bà L 4.000.000 đồng (ông V quản lý), đối với chưng hụi của bà T chỉ có căn cứ xác định ông K đang quản lý là 10.000.000 đồng (bà T là chủ hụi xác định khi còn sống ông H chỉ đóng được 05 lần). Ông C là người được thừa kế tài sản nên buộc các bị đơn có nghĩa vụ trả các khoản tiền nêu trên cho ông C là phù hợp với các Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471, Điều 613, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chỉ có cơ sở chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế và đòi các bị đơn ông H, bà L trả số tiền 20.000.000 đồng, ông V trả số tiền 4.000.000 đồng, ông K trả số tiền 10.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi ông K trả số tiền 18.000.000 đồng.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét nên chấp nhận. Đối với đề nghị của vị Luật sư là có 01 phần là chưa có căn cứ và chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chỉ chấp nhận 01 phần đề nghị của Luật sư.

[6] *Về án phí:* Bị đơn Trần Văn H, Danh Thị L, Lương Minh K phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền Tòa án án buộc trả cho nguyên đơn, bị đơn Lương Minh V phải chịu án phí 300.000 đồng; nguyên đơn phải chịu tiền án phí đối với 01 phần yêu cầu không được chấp nhận và yêu cầu chia chia thừa kế, nhưng nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải chịu án phí To quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ny 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 và khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471, Điều 613, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ny 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Ngọc C.

+ Chia cho ông Trần Ngọc C được hưởng thừa kế số tiền 34.000.000 đồng.

+ Buộc bị đơn Trần Văn H, Danh Thị L trả số tiền 20.000.000 đồng, bị đơn Lương Minh V (Út B) trả số tiền 4.000.000 đồng, bị đơn Lương Minh K (Út L) trả số tiền 10.000.000 đồng cho ông Trần Ngọc C.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Ngọc C về việc yêu cầu ông Lương Minh K (Út L) trả số tiền 18.000.000 đồng.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn Trần Văn H, Danh Thị L phải nộp là 1.000.000 đồng.

- Buộc bị đơn Lương Minh K (Út L) phải nộp là 500.000 đồng.

- Buộc bị đơn Lương Minh V (Út B) phải nộp là 300.000 đồng.

- Nguyên đơn Trần Ngọc C thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí, án phí To quy định.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự khác có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện To quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Người TGTT khác;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Từ Thanh Nhung